

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 404/2020/KDTM-ST

Ngày: 16/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hai

Bà Nguyễn Phạm Bích Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà – Thư ký Toà án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại phòng xử án của Toà án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 397/2019/TLST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư A

Địa chỉ: 37 H, Phường K, Quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thượng T (Giấy ủy quyền số 05/UQ/2019 ngày 10/4/2019)

Nơi cư trú: 325/22 B, Phường K, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng B

Trụ sở công ty: 33/6 H, Phường X, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng Ch – Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ nơi cư trú: 33/6 H, Phường X, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 20/5/2019 và các lời khai tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thượng T trình bày:*

Ngày 25/10/2013 Công ty Cổ Phần đầu tư A và Công ty Cổ Phần xây dựng B có ký kết hợp đồng kinh tế số 95/HĐKT/2013 có nội dung: Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thi công cọc thử và cọc đại trà D500 và D300 cho hạng mục móng cọc thuộc công trình Z tại đường VVN, quận Thủ Đức (khối lượng và việc có trong hợp đồng kèm trong hồ sơ), tổng giá trị hợp đồng là 3.015.468.500 đồng.

Ngày 30/12/2013 hai bên ký tiếp phụ lục hợp đồng số 01 có nội dung điều chỉnh khối lượng và giá trị hợp đồng là 4.409.717.400 đồng.

Sau khi thực hiện hợp đồng, hai bên công ty đã xác lập bản tổng thể giá trị khối lượng hoàn thành vào ngày 05/5/2014, theo bản giá trị thực hiện là 4.230.597.250 đồng. Căn cứ vào bản xác nhận của hai công ty về giá trị thực hiện, Công ty Cổ Phần đầu tư A đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000015 ngày 31/12/2013 “thanh toán khối lượng đợt 1 hạng mục móng cọc Tổng số tiền thanh toán 2.541.369.270 đồng”; 0000022 ngày 14/01/2014 “thanh toán khối lượng đợt 2 hạng mục móng cọc Tổng số tiền thanh toán 1.486.917.630 đồng”; 0000177 ngày 21/5/2014 “thanh toán khối lượng đợt cuối hạng mục móng cọc Tổng số tiền thanh toán 147.742.912 đồng”. Tổng cộng cho cả ba hóa đơn trên là 4.176.029.812 đồng. Sau khi Công ty Cổ Phần đầu tư A xuất hóa đơn thì Công ty Cổ Phần xây dựng B đã thanh toán số tiền 3.905.000.000 đồng. Hiện tại Công ty Cổ Phần xây dựng B còn nợ số tiền 271.029.812 đồng.

Đã nhiều lần Công ty Cổ Phần đầu tư A nhiều lần gửi văn bản thông báo nhắc trả nợ nhưng Công ty Cổ Phần xây dựng B không chịu thanh toán khoản nợ trên.

Sự chậm trễ thanh toán của Công ty Cổ Phần xây dựng B đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích pháp của Công ty Cổ Phần đầu tư A. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty Cổ Phần đầu tư A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ Phần xây dựng B toán số tiền nợ gốc là 271.029.812, căn cứ mức lãi suất do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài gòn thương tín cung cấp cho Tòa án thì mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 10.14 %/năm, thời hạn tính từ ngày 18/6/2014 (ngày chốt công nợ) đến ngày 18/02/2020 là 68 tháng. Tổng số tiền Công ty Cổ Phần xây dựng B thanh toán là 426.763.541 đồng trong đó nợ gốc 271.029.812 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 155.733.729 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Công ty Cổ Phần xây dựng B, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1971 đã được Tòa án tiến hành xác minh, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng Công ty Cổ Phần xây dựng B, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đăng C vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong vụ án: Nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 85, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay chưa thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nội dung vụ án: Xét hợp đồng kinh tế số 95/HĐKT/2013 ngày 25/10/2013, bảng kê chi tiết lịch sử thanh toán của bị đơn, có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi suất chậm trả. Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện, Công ty Cổ Phần đầu tư A khởi kiện đối với Công ty Cổ Phần xây dựng B đây là quan hệ hợp đồng thi công. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn:

Theo kết quả xác minh tại Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ Phần xây dựng B có địa chỉ trụ sở chính 33/6 H, Phường X, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật của công ty ông Nguyễn Đăng C, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 33/6 H, Phường X, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng thực tế Công ty Cổ Phần xây dựng B không còn treo bảng công ty tại số 33/6 H, Phường X, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh, mặt khác người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Đăng C không cư ngụ tại địa phương, hiện ông C đi đâu không rõ, không báo với cơ quan chính quyền địa phương. Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 17/6/2020, phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai ngày 16/7/2020 cho Công ty Cổ Phần xây dựng B, ông C nhưng Công ty Cổ Phần xây dựng B, ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ Phần đầu tư A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ Phần xây dựng B phải trả cho Công ty Cổ Phần đầu tư A số tiền nợ gốc là 271.029.812 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định pháp luật. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

+ Xét về nợ gốc: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như hợp đồng kinh tế số 95/HĐKT/2013 ngày 25/10/2013, bản tổng thể giá trị khối lượng hoàn thành vào ngày 05/5/2014, Công ty Cổ Phần đầu tư A đã xuất 03 hóa đơn giá trị gia tăng số 0000015 ngày 31/12/2013 “thanh toán khối lượng đợt 1 hạng mục móng cọc Tổng số tiền thanh toán 2.541.369.270 đồng”; 0000022 ngày 14/01/2014 “thanh toán khối lượng đợt 2 hạng mục móng cọc Tổng số tiền thanh toán 1.486.917.630 đồng”; 0000177 ngày 21/5/2014 “thanh toán khối lượng đợt cuối hạng mục móng cọc Tổng số tiền thanh toán 147.742.912 đồng”. Tổng cộng cho cả ba hóa đơn trên là 4.176.029.812 đồng. Sau khi Công ty

Cổ Phần đầu tư A xuất hóa đơn thì Công ty Cổ Phần xây dựng B đã thanh toán số tiền 3.905.000.000 đồng. Hiện tại Công ty Cổ Phần xây dựng B còn nợ số tiền 271.029.812 đồng là có cơ sở xác nhận Công ty Cổ Phần xây dựng B còn chưa thanh toán hết tiền cho Công ty Cổ Phần đầu tư A nên Hội đồng xét xử có cơ chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

+ Xét về tiền lãi do chậm thanh toán:

Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*”. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Công ty Cổ Phần xây dựng B đã chậm thanh toán tiền hàng nên phải có trách nhiệm trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Căn cứ vào công văn số 566/TAQPN ngày 26/6/2020 về việc xác minh mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường của ba Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín cung cấp cho Tòa án thì mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử là 10.14 %/năm (0,845%/tháng). Do đó, tiền lãi do chậm thanh toán được tính như sau:

Như vậy, số tiền lãi do chậm thanh toán mà Công ty Cổ Phần xây dựng B còn phải thanh toán cho Công ty Cổ Phần đầu tư A tính đến ngày 18/02/2020 là $271.029.812 \times 0,845\%/tháng \times 68 tháng = 155.733.729$ đồng. Ghi nhận việc Công ty Cổ Phần đầu tư A yêu cầu thời gian tính lãi do chậm thanh toán đến ngày 18/02/2020.

Do đó, yêu cầu về tiền lãi do chậm thanh toán của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy Công ty Cổ Phần xây dựng B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 18/6/2014 và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện việc trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh về việc bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, lãi suất chậm trả là có căn cứ chấp nhận.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 50; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;
- Căn cứ khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ Phần đầu tư A:

Buộc Công ty Cổ Phần xây dựng B phải có trách nhiệm thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 18/02/2020 tổng cộng 426.763.541 đồng trong đó nợ gốc 271.029.812 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán là 155.733.729 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ Phần xây dựng B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 21.070.542 đồng.

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 6.776.000 đồng cho Công ty Cổ Phần đầu tư A theo biên lai số 0041874 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm trên số tiền phải trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 10%/năm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện KSND Q,PN; (02)
- Chi cục THADS Q.PN; (02)
- Các đương sự; (02)
- Lưu: hồ sơ, văn phòng. (04)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cao Cường